

Bản án số: 25/2026/HS-ST

Ngày: 21/4/2026

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 9 - THÁI NGUYÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thùy Linh

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Dương Xuân Tựu

Bà Ma Thị Ngâm

- Thư ký phiên tòa: Ông Chu Đức Quế – Thẩm tra viên chính Tòa án nhân dân khu vực 9 - Thái Nguyên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 9 - Thái Nguyên tham gia phiên tòa: Ông Ma Thế Thiện – Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 4 năm 2026 tại Tòa án nhân dân khu vực 9 - Thái Nguyên xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 20/2026/TLST-HS ngày 17/3/2026 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 26/2026/QĐXXST-HS ngày 08/4/2026 đối với:

*** Bị cáo:**

Họ và tên: **Triệu Thị C** (Tên gọi khác: Không); Sinh ngày 21/7/1973; tại xã Đ, tỉnh Thái Nguyên; Nơi cư trú: Thôn N, xã Đ, tỉnh Thái Nguyên; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 5/12; Dân tộc: **Dao**; Giới tính: **Nữ**; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con **Triệu Hữu T** và bà **Triệu Thị L (Đều đã chết)**; Có **chồng** là **Hoàng Xuân K, sinh năm 1974** và 04 (Bốn) con, con lớn nhất sinh năm 1993, con nhỏ nhất sinh năm 2000; Tiền án, tiền sự: Không;

Bị cáo tại ngoại. Có mặt tại phiên tòa.

* Người bào chữa cho bị cáo: Ông Sầm Đức T1 - Trợ giúp viên pháp lý của Chi nhánh Trợ giúp pháp lý thuộc Trung tâm T3. Có mặt.

* Nguyên đơn dân sự: Ủy ban nhân dân tỉnh T. Đại diện theo pháp luật: Ông Vương Quốc T2 - Chủ tịch.

Đại diện theo ủy quyền tham gia tố tụng: Ông Nguyễn Đức D - Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã B, tỉnh Thái Nguyên (Theo văn bản ủy quyền số 2322/QĐ-UBND ngày 16/12/2025 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh T). Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:**

Khoảng đầu tháng 01/2025, Triệu Thị C có ý định trồng **lúa nương** trên thửa đất rừng tại khu rừng C thuộc thôn N, xã B, tỉnh Thái Nguyên nên đã một mình tự ý

dùng dao và cưa tay phát dọn các cây bụi, dây leo rồi cắt hạ các cây gỗ to tại khu đất trên. Việc phát, phá được thực hiện trong khoảng 07 (Bảy) ngày thì xong.

Đến ngày 14/02/2025, vụ việc Triệu Thị C phát, phá rừng trái phép bị Trạm Kiểm lâm Nà Mầm thuộc Hạt Kiểm lâm V phát hiện và lập biên bản rồi chuyển hồ sơ đến Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh T điều tra theo thẩm quyền.

Tiến hành khám nghiệm hiện trường vụ việc, xác định được: Khu rừng do Triệu Thị C phát, phá thuộc lô 42, khoảnh 4, tiểu khu G Bản đồ rà soát quy hoạch ba loại rừng xã K năm 2018. Toàn bộ khu rừng bị phát, phá đều là rừng **đặc dụng** - rừng tự nhiên trạng thái TXN (rừng gỗ tự nhiên núi đất lá rộng thường xanh nghèo) có diện tích bị phát, phá là $1.134m^2$ và lâm sản bị thiệt hại là $3,258m^3$ gỗ tự nhiên thông thường các loại từ nhóm VI đến nhóm VIII có giá trị là 4.238.320đ (*Bốn triệu hai trăm ba mươi tám nghìn ba trăm hai mươi đồng*) theo Kết luận định giá số 2955/KL-HĐĐG ngày 10/9/2025 của Hội đồng định giá thường xuyên trong tổ tụng hình sự tỉnh Thái Nguyên.

Ngoài ra tại khu vực giáp ranh với khu rừng Triệu Thị C phát, phá còn phát hiện một đám rừng bị phát phá trái phép với diện tích $1.505m^2$ và lâm sản bị thiệt hại là $5,901m^3$ có giá trị là 5.569.770đ (*Năm triệu năm trăm sáu mươi chín nghìn bảy trăm bảy mươi đồng*).

Quá trình điều tra xác định: Toàn bộ diện tích **rừng** do Triệu Thị C phát, phá thuộc lô 42, khoảnh 4, tiểu khu G, loại rừng đặc dụng, trạng thái rừng tự nhiên theo Bản đồ quy hoạch hệ thống rừng đặc dụng, phòng hộ, sản xuất tỉnh Bắc Kạn ban hành kèm theo Quyết định số 895/QĐ-TTG ngày 24/8/2024 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt quy hoạch lâm nghiệp quốc gia thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến 2050. Phần diện tích rừng này nằm trong thửa đất số 239, tờ bản đồ số 02 Bản đồ địa chính đất Lâm nghiệp xã K, huyện B, tỉnh Bắc Kạn (**cũ**) thuộc loại rừng **đặc dụng** là rừng tự nhiên đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (GCNQSDĐ) số BK 200247 ngày 25/3/2014 cho Vườn quốc gia B là đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh B (**cũ**) nay là UBND tỉnh T. Do đó, xác định Ủy ban nhân dân tỉnh T là nguyên đơn dân sự bị thiệt hại do hành vi vi phạm của Triệu Thị C gây ra trong vụ án này.

Tại giai đoạn điều tra, truy tố: Triệu Thị C khai nhận, vào khoảng tháng 01/2025, C đã thực hiện hành vi phát, phá tại khu rừng C thuộc thôn N, xã B, tỉnh Thái Nguyên nhằm mục đích lấy đất trồng lúa nương làm kế sinh nhai với tổng diện tích rừng bị phát, phá là $1.134m^2$ và lâm sản bị thiệt hại là $3,258m^3$ gỗ tự nhiên. Việc phát, phá rừng do một mình bản thân C thực hiện, ngoài ra không nói hoặc bàn bạc, thông báo cho người nào khác được biết; trước khi phát, phá rừng cũng không xin phép cơ quan có thẩm quyền phê duyệt, cấp phép; thời gian thực hiện trong khoảng 07 (Bảy) ngày. Sau khi phát, phá khu rừng, Triệu Thị C chưa xử lý thực bì, chưa trồng cây mới, số gỗ bị chặt hạ vẫn để nguyên tại hiện trường. Còn đối với diện tích $1.505m^2$ đất rừng bị phát phá ở khu rừng giáp ranh bên cạnh thì C không biết do ai thực hiện.

* *Vật chứng của vụ án gồm:*

- 01 (Một) con dao và 01 (Một) cưa tay thu giữ của Triệu Thị C đã được niêm phong và giao cho cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền bảo quản;

- 3,258m³ gỗ tự nhiên thông thường các loại từ nhóm VI đến nhóm VIII: Hạt Kiểm lâm V đã giao cho Trạm Kiểm lâm Nà Mầm quản lý theo quy định;

Tại cáo trạng số 02/CT-VKSKV9 ngày 11/3/2026 của Viện Kiểm sát nhân dân khu vực 9 - Thái Nguyên đã truy tố Triệu Thị C về tội “*Hủy hoại rừng*” quy định tại điểm d khoản 1 Điều 243/BLHS.

*** *Tại phiên tòa:***

- Bị cáo khai nhận toàn bộ hành vi chặt, phá rừng của mình như Cáo trạng đã nêu, tuy nhiên bị cáo cho rằng diện tích rừng bị phát, phá không phải là rừng đặc dụng.

- *Ý kiến của Kiểm sát viên duy trì quyền công tố tại phiên tòa:* Giữ nguyên quan điểm truy tố, đồng thời phân tích, đánh giá tính chất, mức độ của hành vi phạm tội cùng các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo và đề nghị Hội đồng xét xử (HĐXX):

+ Tuyên bố bị cáo Triệu Thị C phạm tội “*Hủy hoại rừng*”.

+ Về hình phạt: Áp dụng điểm d khoản 1 Điều 243; Điều 38, 50, 65; điểm b, s khoản 1, Điều 51/BLHS: Xử phạt bị cáo Triệu Thị C từ 12 (Mười hai) đến 15 (Mười lăm) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 24 (Hai mươi tư) đến 30 (Ba mươi) tháng, thời hạn tính từ ngày tuyên án sơ thẩm. Giao bị cáo cho UBND xã Đ, tỉnh Thái Nguyên giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

+ Về trách nhiệm dân sự: Nguyên đơn dân sự không yêu cầu nên không đề nghị HĐXX xem xét, giải quyết.

+ Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 47, 48/BLHS và Điều 106/BLTTHS: Tịch thu tiêu hủy đối với 01 (Một) con dao và 01 (Một) cưa tay. Đối với 3,258m³ gỗ tự nhiên thông thường các loại từ nhóm VI đến nhóm VIII giao cho Ủy ban nhân dân tỉnh T xử lý theo quy định.

+ Về án phí: Miễn nộp án phí hình sự sơ thẩm đối với bị cáo.

- Tại phần tranh luận:

+ Bị cáo giữ nguyên quan điểm cho rằng diện tích rừng bị cáo đã phát, phá không phải là rừng đặc dụng. Bị cáo không tự bào chữa, không tranh luận.

+ Ý kiến của người bào chữa: Do bị cáo không thừa nhận diện tích rừng bị cáo đã phát, phá là rừng đặc dụng, nên người bào chữa không có ý kiến bào chữa. Vì vậy, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào toàn bộ tài liệu, chứng cứ đã được thu thập hợp pháp trong hồ sơ vụ án và kết quả tranh tụng tại phiên tòa để xem xét, giải quyết vụ án theo đúng quy định của pháp luật.

Đại diện Viện kiểm sát đã đối đáp đầy đủ các ý kiến của các bị cáo theo quy định.

Bị cáo không nói lời sau cùng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên, người bào chữa trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử; chứng cứ, tài liệu do Điều tra viên, Kiểm sát viên thu thập, do người bào chữa và bị cáo cung cấp: Xét thấy đảm bảo theo quy định của pháp luật.

Về thủ tục tố tụng tại phiên tòa: Vắng mặt nguyên đơn dân sự và người đại diện theo ủy quyền. Tuy nhiên những người này đã có đầy đủ lời khai tại giai đoạn điều tra và có đơn xin xét xử vắng mặt đúng quy định, việc vắng mặt của họ tại phiên tòa không làm ảnh hưởng đến việc giải quyết vụ án. Do đó, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án theo thủ tục chung.

[2] Về tội danh:

Tại phiên tòa, bị cáo thừa nhận hành vi vi phạm tuy nhiên bị cáo cho rằng diện tích rừng mà bị cáo đã phát, phá không phải là rừng đặc dụng. HĐXX xét thấy, lời trình bày này không có căn cứ, bởi tài liệu trong hồ sơ vụ án và kết luận của cơ quan chuyên môn đã xác định khu vực bị tác động là rừng đặc dụng, trạng thái rừng tự nhiên. Do đó, quan điểm của bị cáo không được chấp nhận. Lời khai của bị cáo tại phiên tòa về sự việc khách quan phù hợp với những tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa. Từ đó đủ cơ sở xác định:

Khoảng tháng 01/2025, tại khu R thuộc thôn N, xã B, tỉnh Thái Nguyên, tuy chưa được cơ quan có thẩm quyền cấp phép nhưng Triệu Thị C đã có hành vi phát, phá 1.134m² diện tích rừng thuộc lô D, khoảnh 4, tiểu khu G Bản đồ quy hoạch hệ thống rừng đặc dụng, phòng hộ, sản xuất tỉnh Bắc Kạn ban hành kèm theo Quyết định số 895/QĐ-TTG ngày 24/8/2024 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt quy hoạch lâm nghiệp quốc gia thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến 2050. **Toàn bộ khu rừng bị phát, phá đều là rừng đặc dụng, trạng thái rừng tự nhiên.** Diện tích rừng bị phát, phá nằm trong GCNQSDĐ được cấp cho Vườn Quốc gia B quản lý. Tổng giá trị thiệt hại về lâm sản do hành vi phát, phá của C gây ra là 4.238.320đ (*Bốn triệu hai trăm ba mươi tám nghìn ba trăm hai mươi đồng*).

Hành vi vi phạm của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội được quy định trong Bộ luật hình sự, xâm phạm đến chế độ quản lý rừng của Nhà nước; xâm phạm nghiêm trọng đến môi trường sinh thái, gây ra những hậu quả nghiêm trọng khác cho đời sống xã hội. Tại thời điểm bị cáo thực hiện hành vi phạm tội bị cáo đủ tuổi chịu trách nhiệm hình sự, có năng lực trách nhiệm hình sự.

Như vậy, có đủ căn cứ xác định việc truy tố, xét xử bị cáo Triệu Thị C về tội “*Hủy hoại rừng*” quy định tại điểm d khoản 1 Điều 243/BLHS là đúng người, đúng tội, đúng quy định của pháp luật..

Điều luật có nội dung:

“1. Người nào đốt, phá rừng trái phép hoặc có hành vi khác hủy hoại rừng thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tiền từ 50.000.000 đồng đến 500.000.000 đồng, phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 01 năm đến 05 năm:

...

d) Rừng đặc dụng có diện tích từ 1.000 mét vuông (m²) đến dưới 3.000 mét vuông (m²); ...

....

4. *Người phạm tội có thể bị phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng, cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định từ 01 đến 05 năm”.*

[3] Về tính chất và mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội:

Tội phạm Triệu Thị C thực hiện là tội phạm nghiêm trọng, có tính chất và mức độ nguy hiểm cho xã hội lớn, xâm phạm đến sự bền vững và ổn định của môi trường, gây khó khăn trong công tác quản lý, bảo vệ rừng của Nhà nước, đồng thời gây ảnh hưởng xấu đến an ninh trật tự tại địa phương.

[4] Về nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo:
Bị cáo không có tiền án, tiền sự, nhân thân tốt.

Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo đã trình bày trung thực về hành vi phát, phá rừng của mình nhưng lại cho rằng diện tích bị tác động không phải là rừng đặc dụng. HĐXX xét thấy việc này xuất phát từ nhận thức pháp luật còn hạn chế, chưa hiểu đầy đủ quy định về phân loại rừng, không phải là việc quanh co, chối tội. Do đó, HĐXX đánh giá bị cáo có thái độ khai báo thành khẩn, ăn năn và được hưởng tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

Sau khi phát, phá bị cáo đã tác động gia đình hỗ trợ bị cáo trồng cây con mới trên toàn bộ diện tích rừng đã hủy hoại, do đó bị cáo được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ “người phạm tội tự nguyện khắc phục hậu quả” quy định tại điểm b khoản 1 Điều 51/BLHS.

Những tình tiết này đủ làm căn cứ để HĐXX xem xét, cân nhắc mức hình phạt ở đầu khung của điều luật truy tố khi lượng hình đối với bị cáo là phù hợp.

- Về tình tiết tăng nặng: Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại Điều 52/BLHS.

[5] Về hình phạt:

Trên cơ sở quy định của Bộ luật hình sự, HĐXX cân nhắc tính chất và mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội cùng nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo, xét thấy:

Về hình phạt chính: Hiện nay, tình hình tội phạm vi phạm các quy định về khai thác, bảo vệ rừng và hủy hoại rừng trên địa bàn xã B có chiều hướng ngày càng gia tăng về số lượng vụ việc cũng như tính chất phức tạp; diện tích rừng bị phát phá ngày càng lớn; do đó cần xử lý nghiêm để đảm bảo tính răn đe, giáo dục và phòng ngừa chung. Căn cứ vào các tình tiết đã được chứng minh trong hồ sơ vụ án và qua quá trình thẩm tra tại phiên tòa, xét thấy cần buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt tại cơ sở giam giữ trong một thời hạn tương xứng với mức độ hành vi phạm tội của bị cáo, phù hợp với thực tiễn xét xử tại địa phương.

Về hình phạt bổ sung: Tại khoản 4 Điều 243/BLHS quy định về hình phạt bổ sung đối với người phạm tội, tuy nhiên, xét điều kiện thực tế của bị cáo là người dân tộc thiểu số, cư trú tại địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn; không có việc làm, thu nhập ổn định, sinh kế chủ yếu dựa vào sản xuất nông, lâm nghiệp và

lao động tự do, không có tài sản riêng đáng kể, việc áp dụng hình phạt bổ sung không đảm bảo khả năng thi hành và không cần thiết, do đó không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo

[6] Về trách nhiệm dân sự:

Nguyên đơn dân sự và người đại diện theo ủy quyền vắng mặt tại phiên tòa. Tuy nhiên trong quá trình giải quyết vụ án đã cung cấp đầy đủ lời khai, các thông tin liên quan và ý kiến của mình về việc giải quyết vụ án theo quy định. Chỉ yêu cầu bị cáo phải trồng lại rừng trên toàn bộ diện tích rừng bị hủy hoại, đảm bảo cây trồng sinh trưởng, phát triển tốt. Ngoài ra không yêu cầu bị cáo phải bồi thường gì thêm.

Do đó, HĐXX không xem xét, giải quyết về trách nhiệm dân sự trong vụ án này.

[7] Về vật chứng:

Gồm có:

+ 01 (Một) con dao và 01 (một) cưa tay là công cụ phạm tội. Do đó cần tịch thu tiêu hủy.

+ Đối với 3,258m³ gỗ là tang vật của vụ án, cần giao cho chủ sở hữu là Ủy ban nhân dân tỉnh T quản lý, xử lý theo quy định của pháp luật.

[8] Về vấn đề khác:

Đối với diện tích rừng 1.505m² giáp ranh đám rừng do Triệu Thị C phát, phá với số lâm sản bị thiệt hại là 5,901m³: Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh T tiếp tục làm rõ đối tượng vi phạm, nếu có căn cứ sẽ xử lý theo quy định của pháp luật, Hội đồng xét xử xét thấy là phù hợp.

[9] Về quan điểm giải quyết vụ án của Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân và người bào chữa:

Xét thấy quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 9 - Thái Nguyên về việc giải quyết vụ án và ý kiến của người bào chữa là có căn cứ, phù hợp với quy định của pháp luật.

Về hình phạt: Xét thấy mặc dù bị cáo không có tiền án, tiền sự và có các tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại điểm b, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự 2015, song hành vi phạm tội của bị cáo thuộc trường hợp tội phạm nghiêm trọng, xâm phạm trực tiếp đến chế độ quản lý, bảo vệ rừng đặc dụng là loại rừng có giá trị đặc biệt về môi trường, sinh thái và đa dạng sinh học.

Bị cáo và gia đình đã được chính quyền địa phương và cơ quan chức năng tuyên truyền, phổ biến pháp luật về bảo vệ rừng, nhận thức rõ hành vi phát phá rừng trái phép là vi phạm pháp luật.

Ngoài ra, tình trạng hủy hoại rừng tại địa phương đang diễn biến phức tạp, gây ảnh hưởng nghiêm trọng đến môi trường và trật tự quản lý lâm nghiệp. Do đó, việc xử lý nghiêm khắc, cách ly bị cáo khỏi xã hội trong một thời gian nhất định là cần thiết nhằm giáo dục riêng và phòng ngừa chung.

HĐXX xét thấy nếu cho bị cáo hưởng án treo sẽ không bảo đảm tính răn đe, phòng ngừa, không đáp ứng yêu cầu đấu tranh phòng, chống tội phạm trong tình hình hiện nay.

Vì các lẽ trên, không có căn cứ chấp nhận đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát về việc cho bị cáo được hưởng án treo; cần buộc bị cáo chấp hành hình phạt tù giam tương xứng với tính chất, mức độ hành vi phạm tội đã thực hiện.

[10] Về án phí và quyền kháng cáo:

Bị cáo là người dân tộc thiểu số cư trú ở vùng kinh tế đặc biệt khó khăn và có đơn xin miễn án phí, xét thấy cần chấp nhận miễn nộp tiền án phí hình sự sơ thẩm cho các bị cáo.

Bị cáo và những người tham gia tố tụng khác có quyền kháng cáo bản án hình sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm d khoản 1 Điều 243; Điều 38, 47, 48, 50; điểm b, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự; Điều 106; 135; khoản 2 Điều 136; Điều 331, 333 của Bộ luật tố tụng hình sự; điểm đ khoản 1 Điều 12; Điều 23 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

[1]. Về tội danh: Tuyên bố bị cáo **Triệu Thị C** phạm tội “*Hủy hoại rừng*”.

[2]. Về hình phạt: Xử phạt bị cáo Triệu Thị C 12 (Mười hai) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo đi chấp hành án.

[3]. Về vật chứng:

- Tịch thu, tiêu hủy đối với: 01 (Một) con dao và 01 (Một) cưa tay đã được niêm phong, tình trạng niêm phong còn nguyên vẹn. (Việc niêm phong do Hạt Kiểm lâm V tiến hành).

(Tình trạng vật chứng theo biên bản giao, nhận ngày 13/3/2026 giữa Công an tỉnh T với Phòng Thi hành án dân sự khu vực 9 - Thái Nguyên).

- Đối với 3,258m³ gỗ tự nhiên thông thường các loại từ nhóm VI đến nhóm VIII: Giao cho Ủy ban nhân dân tỉnh T quản lý và xử lý theo quy định của pháp luật.

(Tình trạng vật chứng theo biên bản bàn giao vật chứng ngày 21/3/2025 giữa Hạt Kiểm lâm Vườn Quốc gia B với Trạm Kiểm lâm N).

[4]. Về án phí: Bị cáo được miễn nộp tiền án phí hình sự sơ thẩm.

[5]. Về quyền kháng cáo:

Bị cáo có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án.

Nguyên đơn dân sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo phần bản án có liên quan đến bồi thường thiệt hại trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi

hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Thái Nguyên;
- VKSND tỉnh Thái Nguyên;
- VKSND khu vực 9 - Thái Nguyên;
- CQCSĐT CAT Thái Nguyên;
- Phòng Hồ sơ CAT Thái Nguyên;
- Công an xã **Ba Bể**;
- Phòng THADS KV9 - Thái Nguyên;
- THAHS;
- Bị cáo;
- Người bào chữa;
- Nguyên đơn dân sự;
- Lưu HSVA; Văn thư.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thị Thùy Linh